

Số: /KH-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 4 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính Phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ định hướng chiến lược phát triển tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 17/9/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng;

Căn cứ Kế hoạch số 856/KH-UBND ngày 12/4/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030, như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân; góp phần xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của làng nghề gắn với phát triển du lịch; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế địa phương, nâng cao giá trị, thương hiệu sản phẩm làng nghề; phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi và lao động có tay nghề.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội để đầu tư phát triển làng nghề; nâng cấp kết cấu hạ tầng, cải thiện điều kiện sản xuất,

kinh doanh; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững.

- Phát triển làng nghề gắn với thị trường và từng bước hội nhập kinh tế quốc tế, xuất khẩu, phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tăng trưởng xanh, phát triển mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm của làng nghề.

## **2. Yêu cầu**

- Phát triển làng nghề phải gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và phát triển bền vững.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân cấp xã trong tổ chức triển khai thực hiện; phân công rõ trách nhiệm, tránh chồng chéo, bảo đảm đúng thẩm quyền theo quy định.

- Các nội dung hỗ trợ phải đúng đối tượng, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm.

- Việc triển khai phải gắn với kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường, xây dựng các khu dân cư, làng văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Bảo tồn và duy trì phát triển 08 làng nghề, 02 làng nghề truyền thống đã được UBND tỉnh công nhận;

- Khôi phục, công nhận 12 làng nghề và 04 nghề truyền thống;

- Phát triển ít nhất 05 mô hình Làng nghề gắn với du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm tại các xã, phường có tài nguyên du lịch, tạo sinh kế bền vững cho người dân địa phương;

- Phấn đấu có 15 sản phẩm làng nghề, nghề truyền thống được phân hạng theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Phấn đấu 30% làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống có sản phẩm được chứng nhận nhãn hiệu tập thể;

- Ít nhất 80% người lao động trong làng nghề, nghề truyền thống được tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, kiến thức về công nghệ

thông tin cơ bản, về kỹ năng quản trị kinh doanh, marketing số...;

- Tổ chức 04 đề tài, nhiệm vụ ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cho các làng nghề; xây dựng cơ sở dữ liệu số về nghề nhân, thợ giỏi và các sản phẩm làng nghề đặc trưng;

- Có ít nhất 30% làng nghề, nghề truyền thống tham gia các kênh bán trên các nền tảng mạng xã hội, sàn giao dịch thương mại điện tử và trạm dừng nghỉ, địa điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP của tỉnh...;

- 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

*(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

### **III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

#### **1. Công tác truyền thông**

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, đảng, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đa dạng hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội cho cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Tổ chức phong tặng, tôn vinh các danh hiệu thợ giỏi, nghề nhân, nghề nhân ưu tú, nghề nhân nhân dân, bằng vàng gia tộc nghề truyền thống Việt Nam và các sản phẩm làng nghề tiêu biểu.

#### **2. Phát huy vai trò của nghề nhân, thợ giỏi**

- Tổ chức trưng bày các tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc của các nghề nhân, thợ giỏi, nghề nhân tiêu biểu các cấp, lễ hội truyền thống, hội thi quảng bá, giới thiệu những nét đặc sắc văn hóa của sản phẩm làng nghề.

- Rà soát, lập hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu nghề nhân nhân dân, nghề nhân ưu tú, thợ giỏi các cấp.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nghề nhân, thợ có tay nghề cao tham gia các hoạt động trình diễn, truyền nghề nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa; tạo điều kiện cho các nghề nhân tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, thiết kế mẫu mã sản phẩm, tạo nòng cốt thúc đẩy công tác đào tạo, truyền nghề, thực hành nghề.

- Khuyến khích, hỗ trợ nghề nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề, lan tỏa giá trị của di sản văn hoá nghề truyền thống trong cộng đồng, đặc biệt đối với thế hệ trẻ.

#### **3. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống**

- Hỗ trợ hình thành làng nghề mới song song với việc bảo tồn, nhân rộng nghề truyền thống; đẩy mạnh hoạt động thiết kế sáng tạo và hỗ trợ thành lập các cơ sở sản xuất tại địa phương.

- Khuyến khích mô hình kinh tế tuần hoàn: Tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu và xử lý chất thải tại chỗ để giảm thiểu ô nhiễm.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm làng nghề.

#### **4. Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững**

- Khảo sát, xây dựng các tuyến du lịch làng nghề phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch cũng như điều kiện về cơ sở hạ tầng dịch vụ của các làng nghề.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu làng nghề; phát triển làng nghề kết hợp du lịch - giáo dục trải nghiệm, du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho người dân làng nghề.

- Hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề: đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước... Lòng ghép thực hiện trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn cho chủ thể sản xuất tại cơ sở nghề, nghề, đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

#### **5. Phát triển các làng nghề mới đảm bảo các giá trị văn hóa truyền thống, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững**

- Bảo tồn, lưu giữ nét văn hoá truyền thống trong sản phẩm, đồng thời thiết kế những sản phẩm mới phù hợp với nhu yếu thị trường, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường sản phẩm.

- Khuyến khích hình thành các cụm sản xuất tập trung, đảm bảo quy định về môi trường.

- Tuyên truyền, vận động cơ sở ngành nghề nông thôn phải xây dựng và thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, bức xạ nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ, thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

#### **6. Chuyển giao khoa học và công nghệ, cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường làng nghề**

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nhất là công nghệ thân thiện với môi trường và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. Kết hợp công nghệ mới với kỹ thuật, công nghệ truyền thống để nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ, giá trị truyền thống của sản phẩm.

- Triển khai đồng bộ các phương án bảo vệ môi trường; thành lập tổ tự quản tại cơ sở và hộ gia đình nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm quy định pháp luật.

#### **7. Tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển sản phẩm làng nghề**

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm làng nghề, nghề; đăng ký và hỗ trợ cơ sở thuộc làng nghề, nghề tham gia hội chợ, Festival

làng nghề, chương trình quảng cáo, sản phẩm đặc sản trong và ngoài tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm làng nghề thông qua các sàn thương mại điện tử, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream) cho các sản phẩm làng nghề, nghề truyền thống.

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, trang trí điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

- Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị ứng dụng khoa học và công nghệ mới và xử lý môi trường.

#### IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện chương trình: **57.285 triệu đồng**, trong đó:

1. Lòng ghép triển khai thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 nhu cầu **36.735 triệu đồng**, (*để triển khai thực hiện các nội dung: đầu tư phát triển (sân phơi, hạ tầng thoát nước thải khu sản xuất làng nghề,...); hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP; tổ chức hội chợ; tổ chức đào tạo, tập huấn; hỗ trợ phát triển làng nghề; thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề; ...*).

2. Vốn ngân sách địa phương **19.250 triệu đồng**, (*triển khai thực hiện các nội dung: Hỗ trợ tham gia các lễ hội, hội chợ, tuần lễ,...; triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (ứng dụng KHCN vào trong sản xuất; xử lý chất thải, nước thải làng nghề; tạo lập, xây dựng và phát triển nhãn hiệu,...)*).

3. Vốn huy động từ doanh nghiệp, HTX, tổ chức sản xuất **1.300 triệu đồng**.

#### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện kế hoạch; hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường tại làng nghề.

- Tham mưu xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển làng nghề.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn lao động thuộc các cơ sở sản xuất, cơ sở nghề.

- Phối hợp với Sở Công thương và UBND các xã, phường đăng ký, hỗ trợ các nghệ nhân, các làng nghề tham dự các hội chợ làng nghề, hội thi các sản phẩm thủ công mỹ nghệ thường niên để quảng bá, xúc tiến thương mại và tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi.

- Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu đăng ký của UBND các xã, phường, tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của các làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn.

- Tổ chức, hướng dẫn các cơ sở ngành nghề nông thôn khảo sát, học tập mô hình làng nghề, ngành nghề nông thôn gắn với hoạt động du lịch, ứng dụng cơ giới hóa vào quá trình sản xuất, chế biến tại các tỉnh, thành.

- Đề xuất cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các cơ sở ngành nghề nông thôn để thúc đẩy phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; chú trọng phát triển các ngành nghề, các sản phẩm theo chương trình OCOP, các làng nghề gắn với phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn thu hút nhiều lao động địa phương.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

## **2. Sở Công thương**

- Chủ trì thực hiện chương trình khuyến công, hàng năm hỗ trợ cải tạo máy móc, thiết bị sản xuất và các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận, ưu tiên các HTX trong làng nghề.

- Tổ chức rà soát, lập phương án phát triển cụm công nghiệp làng nghề, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp làng nghề theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai chương trình xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân ưu tú” theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với UBND các xã, phường phát triển hệ thống điểm giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với các địa điểm kinh doanh, du lịch làng nghề, du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh; giới thiệu, kết nối sản phẩm làng nghề của tỉnh Cao Bằng đến các đơn vị vận hành quản lý Điểm giới thiệu sản phẩm OCOP theo quy định.

- Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; phát triển sản phẩm mới theo quy định.

## **3. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, tham mưu bố trí kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn trong giai đoạn 2026-2030. Tổng hợp, hướng dẫn UBND các xã, phường đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm cải tạo vừa nâng cao năng suất vừa đảm bảo chất lượng và vệ sinh môi trường tại các làng nghề, ưu tiên các HTX trong làng nghề.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong việc đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số, mã vạch, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm, hàng hóa của làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích việc ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, công nghệ mới vào sản xuất sản phẩm làng nghề nhằm nâng cao năng suất, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm; đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của nghề, làng nghề và bảo đảm

thân thiện với môi trường.

#### **4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ các địa phương xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng gắn với khai thác giá trị văn hóa truyền thống tại các làng nghề được UBND tỉnh công nhận.

- Xây dựng các chương trình bồi dưỡng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch nông thôn, tập huấn đào tạo nghề du lịch cho người dân.

- Xây dựng và triển khai các tour, tuyến, kết nối các khu, điểm du lịch hiện có với việc tham quan các làng nghề trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các đơn vị tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch, hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch làng nghề, khuyến khích phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch làng nghề.

**5. Sở Tài chính:** Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương và các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định.

**6. Sở Nội vụ:** Chủ trì, phối hợp xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động cho lao động nông thôn.

**7. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn; hỗ trợ nghề nhân, thợ giỏi truyền nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển ngành nghề nông thôn.

**8. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; tổ chức chính trị - xã hội:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương và các cơ quan liên quan tổ chức hiệu quả các nội dung chương trình thông qua các cuộc vận động tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp và hội viên tham gia thực hiện bảo tồn và phát triển làng nghề. Thực hiện tư vấn, hỗ trợ cho các hội viên nông dân vay vốn từ nguồn vốn tín dụng, Quỹ Hỗ trợ trợ nông dân để thực hiện chương trình.

#### **9. UBND các xã, phường**

- Chủ động lập kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề tại địa phương; hỗ trợ các cơ sở sản xuất tiếp cận cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy các mô hình truyền thống. Đồng thời, cần lồng ghép linh hoạt nguồn vốn từ các chương trình, dự án và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai hiệu quả Chương trình, trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

- Rà soát thực trạng, phân loại định hướng cụ thể để phát triển các nghề, làng nghề; lập hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề và trực tiếp quản lý phát triển nghề tại địa phương.

- Quy hoạch và tổ chức lại sản xuất gắn với phát triển vùng nguyên liệu và làng nghề truyền thống. Trong đó, chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và tích hợp yếu tố du lịch để nâng cao giá trị thương hiệu. Đồng thời, đẩy mạnh quảng bá, đưa các sản phẩm OCOP tiêu biểu tham gia vào các chuỗi sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ nghề, làng nghề chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường.

*(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 337/KH-UBND ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2030)*

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP, PCVP (đ/c Triều);
- Lưu: VT, KT<sub>(ntD)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Thạch**

**Phụ lục 01:**  
**Danh sách cơ sở nghề đề xuất phân đấu công nhận làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

STT	Tên cơ sở nghề	Địa điểm (xóm, xã)	Năm đề nghị công nhận	Đề xuất hỗ trợ	Đăng ký thành lập mới THT/HTX	Đăng ký sản phẩm OCOP
<b>I</b>	<b>Phân đấu công nhận làng nghề</b>					
1	Cơ sở sản xuất đường phen	Xóm Nhung Hoan, Khum Đin, xã Vinh Quý	2027	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải và ứng dụng KHCN trong sản xuất	01	01
2	Cơ sở nghề đan lát	Xóm Khau Trang, xã Bảo Lạc	2027		01	01
3	Cơ sở nghề vẽ tranh thờ người Dao	Xóm Thượng Hà, xã Thanh Long	2027		01	01
4	Cơ sở nghề đan lát	Xóm Khào, Dìa Trên, Dìa Dưới, xã Quảng Uyên	2027		01	01
5	Cơ sở sản xuất giấy bản thảo mộc	Xóm Hồng Việt, xã Thông Nông	2028		01	01
6	Cơ sở dệt thổ cẩm	Xóm Pác Bó, xã Nam Tuấn	2028	Hỗ trợ xử lý chất thải rắn	01	01
7	Cơ sở sản xuất Giấy bản thảo mộc	Xóm Nà Mạ, xã Trường Hà	2028	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải và ứng dụng KHCN trong sản xuất	01	01
8	Cơ sở sản xuất giấy bản	Xóm Tàn Pà, Lũng Ót, xã Ca	2028	Hỗ trợ xây dựng hệ	01	01

		Thành		thống xử lý nước thải xây bể chứa, lắng chất thải, xây mương thoát nước thải, đổ bê tông sân khu sản xuất, lợp mái che.		
9	Cơ sở dệt, nhuộm vải	Xóm Phia Chang, Đâu Cọ, Khào, Dìa Dưới, xã Quảng Uyên	2029	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải và ứng dụng KHCN trong sản xuất	01	01
10	Cơ sở sản xuất Mâm Trúc	Xóm Tân Phong, xã Đàm Thủy	2029		01	01
11	Cơ sở sản xuất miến dong Mỏ Thiếc	Xóm Hồng Nhị, xã Tĩnh Túc	2029	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải và dây chuyền hiện đại sản xuất	01	01
12	Cơ sở sản xuất miến dong Nguyễn Huệ	Xóm Án Lại, Canh Biện, Nà Danh, Thua Bó, Nặm Loát, xã Nguyễn Huệ	2030	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải và dây chuyền hiện đại sản xuất	01	01
<b>II</b>	<b>Phân đầu công nhận nghề truyền thống</b>					
1	Nghề truyền thống dệt thổ Cẩm	Xóm Luống Nội, xã Hà Quảng	2026		01	01
2	Nghề đan lát truyền thống	Xóm Lũng Oong, xã Minh Tâm	2027	Máy móc sản xuất	01	01
3	Nghề thêu hoa văn của dân tộc Dao tiền	Xóm Nà Chấn, xã Tam Kim	2029		01	01

4	Thêu may, quần áo trang phục dân tộc Dao đỏ	Xóm Bình Đường, Phúng Liáng, Kéo Có, xã Phan Thanh	2030		01	01
---	---	--	------	--	----	----

□

**Phụ lục 02:**  
**Nhu cầu vốn thực hiện chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn**  
**trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Nhu cầu bố trí vốn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)					Ghi chú
				Tổng số	NSTW		NSDP	Vốn huy động	
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>57.285</b>	<b>20.700</b>	<b>16.035</b>	<b>19.250</b>	<b>1.300</b>	
1	Đầu tư mặt bằng sản xuất và cơ sở hạ tầng: Mương thu - thoát nước thải tại cơ sở sản xuất, bê tông sân khu vực sản xuất, ...			27.360	20.700	1.360	4.000	1.300	Lồng ghép thực hiện từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
2	Đào tạo, tập huấn	Lớp	23	575		575			Nội dung: An toàn vệ sinh lao động, phát triển nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới, nâng cao năng lực HTX, nâng cao năng lực cho chủ thể dự
		Học viên	1.383	-					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Nhu cầu bố trí vốn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)					Ghi chú
				Tổng số	NSTW		NSDP	Vốn huy động	
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
									kiến đăng ký sản phẩm OCOP
3	Xây dựng mô hình/ dự án mô hình thu gom xử lý chất thải, nước thải,..	Mô hình/ DA	5	5.000		5.000			
4	Xây dựng đề tài nghiên cứu ứng dụng khoa học tiên tiến, hiện đại	Mô hình/ DA	4	6.000			6.000		Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ
5	Hỗ trợ xúc tiến thương mại (Lễ hội, Hội chợ, Festival,..)			-					
-	<i>Lễ Hội tinh hoa làng nghề</i>	<i>Sự kiện</i>	5	1.000			1.000		Điều 4, NQ số 42/2024/NQ-HĐND
-	<i>Tham dự các phiên chợ, hội chợ trong tỉnh</i>	<i>Cơ sở</i>	25	250			250		Điều 3, NQ số 42/2024/NQ-HĐND
-	<i>Tổ chức hội chợ</i>	<i>Sự kiện</i>	5	6.000		6.000			Lồng ghép thực hiện từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Nhu cầu bố trí vốn giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)					Ghi chú
				Tổng số	NSTW		NSDP	Vốn huy động	
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
									kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
6	Hỗ trợ về bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống			-					
-	<i>Về phát triển làng nghề gắn với phát triển văn hóa, du lịch</i>	<i>Làng nghề/cơ sở làm nghề</i>	5	1.000		1.000			
-	<i>Phát triển sản phẩm OCOP</i>	<i>Sản phẩm</i>	15	2.100		2.100			Lồng ghép thực hiện từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
-	<i>Tạo lập, xây dựng và phát triển chứng nhận nhãn hiệu tập thể</i>	<i>Dự án</i>	8	8.000			8.000		Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ

**Phụ lục 03:****Danh mục dự án, công trình xây dựng hạ tầng ưu tiên triển khai thực hiện Bảo tồn và Phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Cao Bằng)**(Đơn vị tính: triệu đồng)*

STT	Dự án/công trình	Tổng cộng	Trong đó:			Vốn huy động	Ghi chú
			NSTW		NSDP		
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.360</b>	<b>20.700</b>	<b>1.360</b>	<b>4.000</b>	<b>1.300</b>	
<b>I</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>						
<b>1</b>	<b>Xã Quảng Uyên</b>	-					
-	Mương thoát nước tại các cơ sở thuộc làng nghề hương Phia Thấp, xóm Phia Chang, Đâu Cọ, Khào, Dìa Dưới	<b>2.500</b>	1.500		500	500	
-	Mương thoát nước tại các cơ sở thuộc làng nghề giấy bản Quốc Dân, xóm Quốc Dân, Dìa trên	<b>2.300</b>	1.500		500	300	
<b>2</b>	<b>Xã Thành Công</b>	-					
-	Mương thoát nước tại các cơ sở thuộc làng nghề truyền thống miến dong Phia Đén, xóm Phia Đén, Pù Vải	<b>2.100</b>	1.500		500	100	
<b>3</b>	<b>Xã Vinh Quý</b>	-					
-	Mương thoát nước tại các cơ sở sản xuất đường phen, xóm Nhưong Hoan, Khum Đin	<b>2.600</b>	2.000		500	100	

STT	Dự án/công trình	Tổng cộng	Trong đó:			Vốn huy động	Ghi chú
			NSTW		NSDP		
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
<b>4</b>	<b>Xã Tĩnh Túc</b>	-					
-	Mương thoát nước tại các cơ sở sản xuất miền dong Mỏ Thiếc, xóm (tổ dân phố).....	<b>1.900</b>	1.500		300	100	
<b>5</b>	<b>Xã Ca Thành</b>	-					
-	Mương thoát nước tại các cơ sở sản xuất giấy bản, xóm Tàn Pà, Lũng Ót	<b>2.500</b>	2.000		500		
<b>II</b>	<b>Phát triển sản xuất</b>	-					
<b>1</b>	<b>Xã Phục Hòa</b>	-					
-	Bê tông hóa khu vực sản xuất tại Làng nghề đường phen Bó Tờ, xóm Bó Tờ (30 hộ)	<b>3.500</b>	3.000		500		
-	Bê tông hóa khu vực sản xuất tại Làng nghề đường phen Nà Léch, xóm Nà Léch (5 hộ)	<b>600</b>	500		100		
-	Nâng cấp, cải tạo lò đường tại Làng nghề đường phen Nà Léch, xóm Nà Léch (5 hộ)	<b>600</b>	500		100		
<b>2</b>	<b>Xã Ca Thành</b>	-					
-	Bê tông hóa khu vực sản xuất giấy bản tại xóm Tàn Pà, Lũng Ót	<b>7.400</b>	6.700		500	200	

STT	Dự án/công trình	Tổng cộng	Trong đó:			Vốn huy động	Ghi chú
			NSTW		NSDP		
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ khác</b>	-					
1	Hỗ trợ mua sắm thiết bị cho sản xuất đường phen tại Làng nghề Bó Tờ, xã Phục Hòa	<b>110</b>		110			
2	Hỗ trợ thiết bị sản xuất cho cơ sở nghề đan lát xóm Lũng Oong, xã Minh Tâm	<b>250</b>		250			
3	Hỗ trợ trang thiết bị bảo hộ trong sản xuất tại Làng nghề truyền thống rèn Phúc Sen xóm Khào, Dìa Trên, Dìa Dưới, xã Quảng Uyên	<b>1.000</b>		1.000			

**Phụ lục 04:****ĐỀ TÀI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

<b>STT</b>	<b>Tên đề tài/nhiệm vụ</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>	<b>Thời gian bắt đầu thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nghiên cứu xây dựng mô hình xử lý nước thải sản xuất giấy bản truyền thống quy mô hộ gia đình đáp ứng tiêu chuẩn làng nghề làm giấy bản tại xã Ca Thành, tỉnh Cao Bằng	1.000	2027	
2	Nghiên cứu cải tiến, chế tạo máy ép mía nâng cao hiệu suất, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất đường phen tại xã Vinh Quý, tỉnh Cao Bằng	2.000	2027	
3	Ứng dụng tiến bộ KH-CN trong bảo tồn, phát triển sản phẩm từ Giấy bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	1.000	2028	
4	Nghiên cứu tiến bộ KH-CN cải tạo tình trạng ô nhiễm tại cơ sở sản xuất miến dong xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng	2.000	2028	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.000</b>		